

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh
2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị Th, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký thường trú: Số nhà 433, đường 767, tổ 10, ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký thường trú: Số nhà 29, đường 767, tổ 1, ấp 5, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Th có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2019, các bản khai, biên bản hòa giải tại Tòa án nguyên đơn chị Đàm Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Minh T tự nguyện tìm hiểu, chung sống

với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2013 ngày 18/3/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi sinh con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, anh T không quan tâm vợ con, ham mê cờ bạc và hay uống rượu, sử dụng ma túy nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Chị Th đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân năm 2018 cho đến khi nộp đơn ly hôn. Chị Th xác định không thể tiếp tục sống chung được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc L1 sinh ngày 03/9/2013 và Lê Phương L2 sinh ngày 06/4/2018, hiện các con chung đang ở với chị Th. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2019, bị đơn anh Lê Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với lời khai của chị Th về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó do anh ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Hai bên gia đình cũng như chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn. Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý. Hiện nay anh đang cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc L1 sinh ngày 03/9/2016 và Lê Phương L2 sinh ngày 06/4/2018. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.
- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi

con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đàm Thị Th khởi kiện anh Lê Minh T yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn có địa chỉ tại: xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Về quan hệ pháp luật: Chị Đàm Thị Th yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn anh Lê Th T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị Th và anh Lê Minh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 01/2013 ngày 18/3/2013, căn cứ Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc chị Th nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình cũng như chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn. Quá trình giải quyết, anh T có lời khai trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị Th, thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ham mê cờ bạc, sử dụng ma túy, không quan tâm đến gia đình và hiện nay đang điều trị cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là có thật, đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng anh chị có thời gian dài sống ly thân nhưng không thể đoàn tụ, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Th nên yêu cầu về việc ly hôn của chị Th là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Th và anh T có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc L1 sinh ngày 03/9/2013 và Lê Phương L2 sinh ngày 06/4/2018, cả hai con chung hiện đang ở với chị Th. Anh T đang ở Cơ sở điều trị cai nghiện và có ý kiến đồng ý giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Đàm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đàm Thị Th về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị Th và anh Lê Minh T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Ngọc L1 sinh ngày 03/9/2013 và Lê Phương L2 sinh ngày 06/4/2018 cho chị Đàm Thị Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Chị Đàm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001620 ngày 21/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ, để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng

Nai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Quang